TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 02 năm 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông NGUYỄN VIẾT ANH;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974,
ĐKHKTT: khu 7, xã Kim Đ, thành phố Việt L, tỉnh P.
- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1982,
ĐKHKTT: khu 7, xã Kim Đ, thành phố Việt L, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Anh T, chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn T Lnh bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/6/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đ, thành phố Việt L, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Từ năm 2006 đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 29/3/2001 và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/10/2005. Hiện nay cả hai cháu C và B đều đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và chi phí tố tụng: anh T tự nguyện xin chịu toàn bộ.

- Bị đơn chị Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã Lnh bày quan điểm tại Bản tự khai đề ngày 08/12/2023; cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/6/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đ, thành phố Việt L, tỉnh P.Trong quá Lnh chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay anh T khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị H có quan điểm C toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh T. Chị H đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Đỗ Thị H xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 29/3/2001 và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/10/2005. Hiện nay cả hai cháu C và B đều đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá Lnh giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định Lnh tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định 3.000.000đ: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T nộp đơn xin ly hôn chị Đỗ Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn anh T Lnh bày hiện chị H đang sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số 1534/QLXNC-Đ1 ngày 20/9/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P xác nhận: "Đỗ H, *sinh ngày 19/5/1982; HKTT: khu 3, xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh, tỉnh P; CMND số 131453280; công dân được cấp hộ chiếu số C3414634, xuất cảnh ngày 13/7/2017, không có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị H không có mặt ở Việt Nam và anh T đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh T, chị H đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau ngày 29/6/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đ, thành phố Việt L, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá Lnh chung sống anh T và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Trong quá Lnh giải quyết vụ án chị H có gửi văn bản Lnh bày quan điểm đối với nội dung khởi kiện của anh T. Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của anh T đối với Bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, Giấy ủy quyền của chị H gửi về Việt Nam. Tòa án nhân dân tỉnh P đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P tiến hành giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị H trong các văn bản trên. Tại Kết luận giám định số 1636/KL-KTHS ngày 31/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P đã kết luận như sau: "*Chữ ký dạng chữ viết "H" và các chữ "Đỗ Thị H" dưới mục: "Người khai; Người làm đơn; Người ủy quyền"trên"Bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Giấy ủy quyền" (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký ký dạng chữ viết "H" và các chữ "Đỗ Thị H" dưới mục: "Chữ ký người mang hộ chiếu" trên "Hộ chiếu" (mẫu so sánh ký hiệu M)* ***là do cùng một người ký và viết ra***".

Tại bản tự khai chị H Lnh bày: chị C toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh T. Như vậy, có

đủ cơ sở để khẳng định rằng việc chị Đỗ Thị H thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Văn T là C toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T, chị H.

- Về con chung: anh T và chị H đều xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 29/3/2001 và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/10/2005. Các con chung của anh T chị H đều đã thành niên, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh T và chị H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Án phí: anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm (bao gồm cả phần án phí của anh Mạnh phải chịu)

Chi phí giám định: anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H.

[2] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000618 ngày 03/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P do anh Lê Tiến Đạt nộp thay. C trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chi phí tố tụng: anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận anh T đã nộp đủ số tiền trên.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm

yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Đỗ Thị H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã Kim Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh